

QUY ĐỊNH

**về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm,
giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ,
từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ**

Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;

Căn cứ Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;

Căn cứ các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương về công tác cán bộ;

Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/TU, ngày 20/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên khóa XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (sau đây gọi chung là cán bộ) như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý cán bộ và nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

2. Quy định này áp dụng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của Tỉnh.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng, bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2. Bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tổng thể, liên thông trong công tác cán bộ của Đảng; đánh giá cán bộ thường xuyên, khách quan, công tâm, chính xác; quy hoạch, lựa chọn và bố trí đúng cán bộ; thực hiện có hiệu quả cơ chế “có vào, có ra, có lên, có xuống” trong công tác cán bộ; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn đặt ra.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới, gắn bó mật thiết với Nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ:

a) Đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thông qua các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị; trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các ngành, các cấp.

c) Phân công, phân cấp công tác quản lý cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cho các cấp ủy, tổ chức đảng; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp.

2. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, đồng thời, phát huy đầy đủ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và cá nhân liên quan, trước hết là người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ:

a) Những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ phải do cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến của người đứng đầu và ý kiến của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khác nhau thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện quyết định của tập thể về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi được phân công phụ trách.

c) Cán bộ, đảng viên phải chấp hành, thực hiện nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng; cấp ủy cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp ủy cấp trên về công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Công tác cán bộ là các đường lối, chủ trương, chính sách, quy định về phân cấp quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách; kiểm tra, kiểm soát, giám sát,... đối với cán bộ nhằm lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ.

2. Phân cấp quản lý cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền phân cấp hoặc ủy quyền cho các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tham gia hoặc trực tiếp quản lý một số khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và quyết định các khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định.

3. Bổ nhiệm cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ vào chức vụ cao hơn, tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang đảm nhiệm *(khi cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hoặc do sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy)*.

4. Quy hoạch cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn chức vụ đang đảm nhiệm.

5. Cho thôi giữ chức vụ là quyết định của cấp có thẩm quyền cho cán bộ chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm để bố trí công tác khác hoặc nghỉ công tác, nghỉ hưu *(không bao gồm các trường hợp được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển hoặc được bố trí công tác khác theo yêu cầu công tác cán bộ)*.

6. Từ chức là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ đang đảm nhiệm khi chưa hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

7. Miễn nhiệm là quyết định của cấp có thẩm quyền chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm đối với cán bộ nhưng chưa đến mức cách chức.

8. Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

9. Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận xấu, rất bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

10. Tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền dừng việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của cán bộ trong một thời hạn nhất định. Tạm đình chỉ công tác không phải là hình thức kỷ luật.

11. Đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền đưa cán bộ ra khỏi quy hoạch chức danh đã được phê duyệt quy hoạch.

Chương II PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 5. Nội dung quản lý cán bộ

1. Phân cấp quản lý cán bộ.
2. Đánh giá cán bộ.
3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.
4. Tuyển chọn, bổ trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ.
5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.
6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.
7. Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc thực hiện nội dung phân cấp, ủy quyền trong công tác cán bộ.
8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, trực tiếp quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ; đồng thời, phân công, phân cấp cho các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị quyết định một số khâu, nội dung về công tác cán bộ đối với một số chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh cán bộ khác; ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy quyết định một số khâu, nội dung trong công tác cán bộ.

2. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ công tác, sinh hoạt đảng ở địa phương, cơ quan, đơn vị, trong đó có cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về phạm vi, nội dung được phân cấp, ủy quyền trong quản lý cán bộ. Cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu có trách nhiệm định kỳ báo cáo cấp trên về tình hình đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên theo quy định hiện hành về phân cấp quản lý.

3. Trường hợp một người đồng thời đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì cấp quản lý chức vụ cao nhất xem xét, quyết định.

4. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ

chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ được phân cấp quản lý hoặc trong phạm vi được phân công phụ trách.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

a) Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương về công tác cán bộ và cán bộ trong hệ thống chính trị của tỉnh.

b) Trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định đối với nhân sự Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

c) Trên cơ sở quy định của Trung ương, quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; điều chỉnh cơ cấu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngoài cơ cấu được xác định theo quy định của Bộ Chính trị.

d) Bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

e) Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

f) Giới thiệu nhân sự để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Tham gia ý kiến đối với nhân sự giới thiệu để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

a) Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b) Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách (*trừ một số khâu, nội dung ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy tại khoản 3 Điều này*) đối với các chức danh:

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, Đại biểu Quốc hội chuyên trách của tỉnh.

- Cấp trưởng, cấp phó của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Thư ký Bí thư Tỉnh ủy; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; cấp trưởng, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; người đứng đầu các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh.

- Cấp trưởng, cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc HĐND, UBND tỉnh.

- Cấp trưởng, cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bí thư, phó bí thư đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (bao gồm: Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh).

- Bí thư, phó bí thư đảng ủy xã, phường; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường.

c) Quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các chức danh khác thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

d) Chuẩn bị nhân sự để Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

e) Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư nhận xét, đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư công tác tại địa phương. Cho ý kiến về nhân sự dự kiến điều động, luân chuyển về các địa phương, cơ quan, đơn vị và việc xét phong, thăng quân hàm cấp tướng (nếu có) khi có yêu cầu của Trung ương.

f) Căn cứ quy định của Bộ Chính trị, quyết định phân cấp, ủy quyền quản lý cán bộ cho các cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh.

g) Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trong phạm vi phụ trách.

h) Chỉ định hoặc thí điểm chỉ định ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc và đảng ủy xã, phường theo quy định. Khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, đảng bộ xã, phường.

i) Tham gia ý kiến với các đảng ủy, cơ quan, đơn vị ở Trung ương (nếu có) về đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, cụ thể:

- Đảng ủy Quân khu 2 về nhân sự Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chính ủy, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Đảng ủy Công an Trung ương về nhân sự Giám đốc, Phó Giám đốc Công an tỉnh.

- Tòa án nhân dân tối cao về nhân sự Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về nhân sự Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.

- Các đảng ủy, cơ quan, đơn vị ở Trung ương đối với nhân sự cấp trưởng, thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương.

k) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quyết định thẩm tra, xác minh, kết luận và bố trí đối với cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý có vấn đề chính trị cần xem xét. Lãnh đạo, tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo quản lý theo quy định.

3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy

a) Chuẩn bị và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy những vấn đề về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định.

b) Cho ý kiến số lượng, cơ cấu và giới thiệu nhân sự cấp phó các hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ để các cơ quan, tổ chức lãnh đạo, tổ chức bầu cử theo quy định.

c) Quyết định việc tuyển chọn, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức, đình chỉ chức vụ, kỷ luật, chuyển vùng công tác đối với:

- Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh.

- Ủy viên ban thường vụ cấp uỷ xã, phường; phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND xã, phường (Thường trực Tỉnh ủy quyết định chủ trương khi giới thiệu ứng cử, tái cử và quyết định chuẩn y uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ; các khâu và nội dung khác uỷ quyền cho các cấp uỷ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy xem xét, quyết định);

- Chủ tịch, giám đốc, phó giám đốc các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; chủ tịch hội đồng quản trị, giám đốc, phó giám đốc các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do UBND tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu;

c) Cho chủ trương thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến; giao phụ trách đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, đảng bộ xã,

phường; cho chủ trương đề cấp có thẩm quyền giao phụ trách hoặc giao quyền điều hành các cơ quan, đơn vị khi khuyết người đứng đầu.

d) Chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc, đảng ủy xã, phường.

e) Chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường; giới thiệu bầu (*hoặc chỉ định*) ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc; chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường đối với các nhân sự được luân chuyển, điều động, bổ nhiệm giữ chức chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự, trưởng công an xã, phường và các chức danh có cơ cấu tham gia ban chấp hành, ban thường vụ đảng ủy xã, phường theo quy định; cho thôi tham gia ban chấp hành, ban thường vụ đảng ủy trực thuộc, đảng ủy xã, phường.

f) Bổ nhiệm, giới thiệu nhân sự là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ứng cử hoặc tham gia giữ các chức danh, chức vụ có cơ cấu kiêm nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hữu nghị của Việt Nam với các nước (ở cấp tỉnh), các ban chỉ đạo, các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có cơ cấu chức danh kiêm nhiệm theo quy định.

g) Tham gia ý kiến với các đảng ủy, cơ quan, đơn vị ở Trung ương (nếu có) về đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật cán bộ đối với cán bộ cấp phó, thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương (trừ các chức danh cấp phó: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, tham gia ý kiến và nội dung đã ủy quyền cho Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh).

h) Quyết định việc thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; cử cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tham quan và công tác ở nước ngoài. Cử cán bộ thuộc khối Đảng, chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng theo các chương trình, đề án của Trung ương.

i) Báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Chính phủ, trao đổi với các đảng ủy, lãnh đạo các bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương về những vấn đề liên quan đến cán bộ và công tác cán bộ của địa phương.

k) Cho ý kiến về đề nghị xét tặng các loại huân chương, huy chương, các danh hiệu vinh dự Nhà nước và các danh hiệu thi đua, khen thưởng khác được Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền trong Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban

Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy, trước khi trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

l) Cho ý kiến về việc nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng do nước ngoài và tổ chức quốc tế trao tặng cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tặng các hình thức khen thưởng cấp tỉnh đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thành tích xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo quy định.

m) Quyết định kiểm tra công tác cán bộ ở các ngành, các cấp, các tổ chức trong hệ thống chính trị tỉnh.

n) Chỉ đạo cán bộ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của Đảng và Nhà nước.

p) Chỉ đạo công tác chăm sóc sức khỏe và chính sách cán bộ; tổ chức tang lễ đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo đúng chế độ, chính sách quy định.

q) Gọi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và cá nhân cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi thấy cần thiết.

r) Cho ý kiến về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức của cán bộ thuộc quyền quản lý của các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức quần chúng đối với các trường hợp mà các cơ quan, tổ chức thấy cần phải xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy trước khi quyết định.

4. Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân cấp, ủy quyền cho các tập thể, cơ quan, đơn vị

a) Phân cấp, ủy quyền cho ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quản lý chức danh ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND xã, phường (trừ nội dung thuộc thẩm quyền của Thường trực Tỉnh ủy tại khoản 3 và thẩm quyền của Ban Tổ chức Tỉnh ủy tại điểm d khoản 4 Điều này).

b) Phân cấp, ủy quyền cho Đảng ủy Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh quản lý các chức danh cấp trưởng, cấp phó các tổ chức hội do Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh (trình Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến trước khi thực hiện với các chức danh nêu ở khoản 3 Điều này).

c) Phân cấp, ủy quyền cho ban thường vụ đảng ủy xã, phường nhận xét, đánh giá, xếp loại phó bí thư thường trực đảng ủy xã, phường.

d) Phân cấp, ủy quyền cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Thông báo nghỉ hưu, thôi việc, quyết định điều động từ địa phương này sang địa phương, đơn vị khác thuộc tỉnh mà tại nơi đến không giữ chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đối với các chức danh ủy viên ban thường vụ cấp ủy, phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND xã, phường; quyết định tiếp nhận vào làm công chức cơ quan

Đảng, ủy ban MTTQ gồm các tổ chức chính trị - xã hội; cử đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị đối với cán bộ, công chức, viên chức.

e) Phân cấp, uỷ quyền cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ cho ý kiến về nhân sự giới thiệu bầu bổ sung uỷ viên uỷ ban kiểm tra đảng uỷ trực thuộc, đảng uỷ xã, phường (chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, uỷ viên uỷ ban kiểm tra).

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ, đảng uỷ xã, phường

1. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh

1.1. Ban Chấp hành Đảng bộ

a) Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương và Tỉnh uỷ về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách.

b) Trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ về nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Đảng uỷ; nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, giới thiệu bầu hoặc chỉ định Ủy viên Ban Thường vụ Đảng uỷ;

c) Trên cơ sở quy định của Trung ương và Tỉnh uỷ, quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ; điều chỉnh cơ cấu cấp uỷ ngoài cơ cấu được xác định theo quy định của Trung ương và Tỉnh uỷ.

d) Bầu uỷ viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp uỷ.

e) Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ.

1.2. Ban Thường vụ Đảng uỷ

a) Quyết định phân công nhiệm vụ đối với uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên ban chấp hành đảng bộ; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp uỷ trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

b) Tuyển chọn, nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ chuyên trách; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng uỷ chuyên trách; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra chuyên trách; cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng uỷ và cán bộ chuyên trách, công chức các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng uỷ theo quy định.

c) Chuẩn bị nhân sự để ban chấp hành đảng bộ xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ đảng ủy.

d) Chỉ định, giới thiệu, chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy, chi ủy trực thuộc theo quy định; khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

đ) Nhận xét, đánh giá, xếp loại và tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang công tác, sinh hoạt đảng tại Đảng bộ khi có yêu cầu và các chức danh cán bộ khác khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền.

e) Chủ trì, phối hợp với cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thẩm tra, xác minh và kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với đảng viên theo phân cấp khi thực hiện các nội dung về công tác cán bộ.

f) Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của các đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

2.1. Ban Chấp hành Đảng bộ

a) Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương và Tỉnh ủy về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách.

b) Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, giới thiệu bầu hoặc chỉ định Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy.

c) Trên cơ sở quy định của Trung ương và Tỉnh ủy, quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; điều chỉnh cơ cấu cấp ủy ngoài cơ cấu được xác định theo quy định của Trung ương và Tỉnh ủy.

d) Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy.

e) Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ.

2.2. Ban Thường vụ Đảng ủy

a) Quyết định phân công nhiệm vụ đối với ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

b) Tuyển chọn, nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ chuyên trách; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy chuyên trách; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra chuyên trách; cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy; cán bộ trong bộ máy Nhà nước không thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

c) Chuẩn bị nhân sự để ban chấp hành đảng bộ xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu bổ sung ủy viên Ban thường vụ Đảng ủy.

d) Chỉ định, giới thiệu, chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy, chỉ ủy trực thuộc theo quy định; khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách đảng bộ, chỉ bộ trực thuộc.

đ) Nhận xét, đánh giá, xếp loại và tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang công tác, sinh hoạt đảng tại Đảng bộ khi có yêu cầu và các chức danh cán bộ khác khi được Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền.

e) Chủ trì, phối hợp với cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thẩm tra, xác minh và kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với đảng viên theo phân cấp khi thực hiện các nội dung về công tác cán bộ.

f) Lãnh đạo, chỉ đạo việc thông báo đến tập thể, cá nhân liên quan về thời hạn bổ nhiệm lại đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ở các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh (*do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định bổ nhiệm*) để thực hiện quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định.

g) Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của các đảng bộ, chỉ bộ trực thuộc.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh

3.1. Ban Chấp hành Đảng bộ

a) Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương và Tỉnh ủy về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách.

b) Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy.

c) Trên cơ sở quy định của Trung ương và Tỉnh ủy, quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; điều chỉnh cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy ngoài cơ cấu được xác định theo quy định của Trung ương và Tỉnh ủy.

d) Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy.

e) Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ.

3.2. Ban Thường vụ Đảng ủy

a) Quyết định phân công nhiệm vụ đối với ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy trực thuộc trong phạm vi phụ trách.

b) Tuyển chọn, nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

c) Chuẩn bị nhân sự để Ban chấp hành Đảng bộ xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ đảng ủy.

d) Chỉ định, giới thiệu, chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy, chỉ ủy trực thuộc theo quy định; khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách đảng bộ, chỉ bộ trực thuộc.

e) Phối hợp, trao đổi ý kiến với ban thường vụ đảng ủy xã, phường những vấn đề về công tác cán bộ đối với chức vụ chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng, trưởng, phó trưởng công an xã, phường và các chức danh khác theo quy định; khi điều động, bổ nhiệm chỉ huy trưởng quân sự, trưởng công an các xã, phường, Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh phối hợp với ban thường vụ đảng ủy xã, phường để trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định chỉ định tham gia ban chấp hành, ban thường vụ đảng ủy xã, phường theo quy định.

f) Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh phối hợp với ban thường vụ đảng ủy xã, phường trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định chỉ định tăng thêm cấp ủy viên là cán bộ đồn biên phòng tham gia đảng ủy xã, phường biên giới (không tính vào số

lượng cấp ủy viên theo quy định) sau mỗi kỳ đại hội đảng bộ xã, phường hoặc khi điều động, luân chuyển cán bộ đồn biên phòng mới thay thế.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của đảng ủy xã, phường

4.1. Ban chấp hành đảng bộ xã, phường

a) Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy về cán bộ và công tác cán bộ tại địa phương.

b) Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; nhân sự chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường.

c) Căn cứ quy định của Trung ương và Tỉnh ủy, quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy; điều chỉnh cơ cấu ban chấp hành, ban thường vụ đảng ủy xã, phường ngoài cơ cấu được xác định theo quy định của Trung ương và Tỉnh ủy.

d) Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy.

e) Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào ban chấp hành đảng bộ xã, phường.

f) Giới thiệu nhân sự ứng cử chức danh chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường để Hội đồng nhân dân bầu; tham gia ý kiến đối với nhân sự giới thiệu để bầu giữ chức phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trước khi ban thường vụ đảng ủy xã, phường quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu.

g) Lãnh đạo kiểm tra, giám sát công tác cán bộ tại địa phương, đơn vị.

4.2. Ban thường vụ đảng ủy xã, phường

a) Quyết định phân công công tác các đồng chí ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ.

b) Tuyển chọn, nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh: Ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng ủy; phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường (trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của Thường trực Tỉnh ủy tại điểm c khoản 3 và thẩm quyền của Ban Tổ chức Tỉnh ủy tại điểm d khoản 4 Điều 7); chủ

nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy; trưởng, phó các ban Hội đồng nhân dân xã, phường; trưởng, phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy; trưởng, phó phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường; cấp trưởng, cấp phó Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp cấp xã; bí thư, phó bí thư, ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ đảng ủy cơ sở (chi ủy cơ sở) và các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý.

c) Chuẩn bị nhân sự để ban chấp hành đảng bộ xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, phó bí thư đảng ủy xã, phường; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; đề nghị Thường trực Tỉnh ủy quyết định bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường, cho ý kiến trước khi giới thiệu bầu phó chủ tịch HĐND, UBND cấp xã.

d) Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận xét, đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy công tác tại địa phương (trừ nội dung nhận xét, đánh giá đã ủy quyền theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy). Tham gia ý kiến về nhân sự dự kiến điều động, luân chuyển về địa phương, đơn vị hoặc từ địa phương, đơn vị đi địa phương, đơn vị khác khi có yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

e) Căn cứ quy định của Trung ương và Tỉnh ủy, quyết định phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền.

f) Chuẩn y hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy xã, phường chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc theo quy định. Chỉ định hoặc ủy quyền cho thường trực đảng ủy xã, phường bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ cấp ủy trực thuộc. Khi cần thiết chỉ định bí thư, phó bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

g) Thực hiện chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý; cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ thuộc thẩm quyền của Trung ương và Tỉnh ủy quản lý nghỉ hưu tại địa phương.

h) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên theo Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương.

i) Tham gia ý kiến với các đảng ủy, cơ quan, đơn vị ngành dọc thuộc tỉnh về nhận xét, đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật cán bộ khi có yêu cầu.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng ủy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; cấp ủy, tập thể lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương và Tỉnh ủy về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

3. Kiến nghị Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định về nhận xét, đánh giá; bố trí, phân công công tác; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chính sách đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Tham gia ý kiến đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang công tác, sinh hoạt đảng tại Đảng bộ khi có yêu cầu và các chức danh cán bộ khác theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Là cơ quan tham mưu cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương, chính sách cán bộ, công tác cán bộ và công tác bảo vệ chính trị nội bộ; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương và của Tỉnh ủy về cán bộ, công tác cán bộ và công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

2. Tổng hợp, theo dõi tình hình đội ngũ cán bộ của Đảng, trực tiếp là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, cách chức, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cán bộ thuộc diện quy hoạch để đảm nhiệm các chức danh này.

3. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy các vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nhân sự, tổng hợp trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy xem xét, quyết định về công tác cán bộ. Đối với chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì trao đổi ý kiến với Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Công an tỉnh; ngoài ra một số chức danh cán bộ khối đoàn thể tỉnh, cán bộ khối cơ quan thông tin, phát thanh, truyền hình, báo chí, Trường Chính trị tỉnh trao đổi với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy. Trường hợp khác thực hiện theo chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy và quy định của pháp luật.

5. Báo cáo, đề xuất Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thẩm tra, xác minh, kết luận và bố trí đối với cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý có vấn đề về chính trị cần xem xét; thực hiện thẩm tra, xác minh theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

6. Hướng dẫn phân cấp thực hiện một số chế độ chính sách tiền lương đối với cán bộ từ trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan khối Đảng, MTTQ (gồm các tổ chức chính trị xã - hội) trở xuống để các cơ quan, đơn vị quyết định theo thẩm quyền và quy định của Đảng.

7. Phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định, quyết định hoặc cho ý kiến về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử, tái cử, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu, chuyển công tác ra ngoài tỉnh đối với chức danh:

- Chức danh và nội dung được Ban Thường vụ Tỉnh ủy uỷ quyền;
- Trưởng phòng, ban và tương đương thuộc các sở, ban ngành, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.
- Trưởng phòng, ban và tương đương, Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã, phường.
- Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

8. Thông báo đến tập thể, cá nhân liên quan về thời hạn bổ nhiệm lại đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ở các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy để thực hiện quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định.

9. Tham mưu công tác quản lý biên chế; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ và quản lý cán bộ định kỳ hoặc đột xuất đối với các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị tỉnh.

10. Giải quyết một số công việc cụ thể, thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ theo ủy quyền của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chủ trì, phối hợp với các cơ

quan tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương điều động, bố trí, sắp xếp, luân chuyển cán bộ Tỉnh đoàn khi hết tuổi tham gia công tác đoàn (cán bộ không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) theo Quy chế cán bộ đoàn.

11. Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ, các nghiệp vụ về công tác cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ cán bộ thuộc thẩm quyền Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Hướng dẫn thống nhất việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về cán bộ, đảng viên; trực tiếp quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội và cơ sở dữ liệu đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh.

12. Tham mưu đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chương trình, kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ công tác bảo vệ chính trị nội bộ; phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, nắm bắt, phân loại đối tượng; trực tiếp tham mưu giải quyết những vấn đề theo quy định của Trung ương thuộc về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay có liên quan đến cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và cán bộ dự nguồn các chức danh trên.

13. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu nhiệm vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ động phối hợp với các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cho chủ trương, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

14. Được Ban Thường vụ Tỉnh ủy uỷ quyền thông báo về công tác cán bộ để các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan thực hiện.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy

1. Kiến nghị, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy việc bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chính sách đối với cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy trong lĩnh vực công tác liên quan; kiểm tra, giám sát và kiến nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét những quyết định không đúng quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách, quy định đối với cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới.

2. Tham gia ý kiến, thẩm định nhân sự quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, cách chức, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế

độ, chính sách đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong phạm vi, lĩnh vực được phân công phụ trách khi có yêu cầu.

3. Kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cấp dưới trực thuộc và đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét những vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ (nếu có). Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu.

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy xem xét, quyết định kỷ luật cán bộ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Đảng, Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; chủ trì cho ý kiến khi luân chuyển, điều động chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường; phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định các nội dung liên quan đến nhân sự nêu tại Khoản 2, Điều này; trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kỷ luật cán bộ.

Điều 12. Phân cấp quản lý đối với cán bộ đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu

1. Nội dung quản lý

Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu (trừ trường hợp đã thôi giữ chức vụ hoặc được điều động, bố trí công tác khác không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) phải được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về những vấn đề sau:

- Tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; thành viên lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; người đứng đầu hội và các tổ chức (không bao gồm trưởng ban vận động thành lập hội, tổ chức); làm thành viên, lãnh đạo, quản lý các tổ chức có yếu tố nước ngoài; làm chủ tịch hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), giám đốc (tổng giám đốc) doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

- Khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.

- Đi nước ngoài, tiếp khách quốc tế, trả lời phỏng vấn nước ngoài, nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài và các tổ chức quốc tế tặng.

2. Phân cấp quản lý

2.1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến đối với các chức danh sau: Các đồng chí nguyên là Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

2.2. Thường trực Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến đối với các chức danh: Các đồng chí nguyên là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân

tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Hồ sơ lý lịch gốc của cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý lưu tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

2.3. Ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, ban thường vụ đảng ủy xã, phường xem xét cho ý kiến đối với các chức danh sau:

- Các đồng chí nguyên là cấp trưởng các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (không phải là Tỉnh ủy viên); các đồng chí nguyên là bí thư các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh (không phải là Tỉnh ủy viên); các đồng chí nguyên là cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; phó bí thư cấp ủy các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường.

- Các đồng chí nguyên là ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (cũ). Các đồng chí cán bộ thuộc diện quản lý theo phân cấp.

- Các đồng chí nguyên là trưởng, phó các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện, thị xã, thành phố và đảng ủy trực thuộc tỉnh (cũ). Các đồng chí nguyên là lãnh đạo cấp trưởng, phó các cơ quan, đơn vị thuộc diện quản lý của cấp mình.

Chương III

QUY HOẠCH CÁN BỘ

Điều 13. Nguyên tắc quy hoạch

1. Coi trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hòa, hợp lý, liên thông các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và bố trí, sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở Trung ương với địa phương, địa bàn và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đầu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi, đảm bảo tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

2. Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch

cán bộ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị với quy hoạch cán bộ cấp chiến lược.

3. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn, mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 14. Mục đích, yêu cầu quy hoạch

1. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

3. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

4. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”. Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

5. Việc quy hoạch đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm:

- Có thể xem xét quy hoạch chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

+ Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật (*do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp ủy có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra*).

+ Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (*nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách*) do có trách

nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

+ Bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo đã hết thời hạn kỷ luật.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (*khách quan, chủ quan*) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (*nếu có*),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình quy hoạch theo quy định.

- Tạm thời chưa xem xét quy hoạch đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

- Không quy hoạch đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (*đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo*), khiếu nại kỷ luật, bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc đang bị xem xét, xử lý kỷ luật; cán bộ đang trong thời hạn thi hành kỷ luật; cán bộ bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm về: Quan điểm chính trị, nguyên tắc tổ chức hoạt động của Đảng, chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân, quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Điều 15. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch

1.1. Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (thực hiện theo Kế hoạch của Bộ Chính trị).

1.2. Các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý

1.3 Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

1.4. Các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ quản lý.

1.5. Các chức danh thuộc diện ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

Lưu ý: Không đề nghị, phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh lãnh đạo của các cơ quan, đơn vị, địa phương được xác định có cơ cấu ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo phương hướng công tác nhân sự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh.

2. Đối tượng quy hoạch

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm 2 đối tượng, cụ thể:

- Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh ủy viên ban chấp hành đảng bộ, ủy viên ban thường vụ đảng ủy các xã, phường và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thực hiện theo Phụ lục 1 của Quy định này.

- Đối tượng 1 và đối tượng 2 của các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ; các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh căn cứ Phụ lục 1 của Quy định này để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch:

Quy hoạch cho một nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch:

Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 16. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và Ban Tổ chức Trung ương; phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Ban thường vụ các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt quy hoạch đối với chức danh ủy viên ban chấp hành đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, ủy viên Ban thường vụ đảng ủy cấp xã, phó chủ tịch HĐND và UBND cấp xã và các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của tổ chức mình theo quy định này.

Điều 17. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị

- Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu

chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

- Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên theo quy định.

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ

- Tham mưu chủ trương, quy định về công tác quy hoạch cán bộ; giúp cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý và theo dõi về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, xem xét và đề nghị phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh thuộc thẩm quyền.

- Tham mưu tổng kết, sơ kết, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác *(khi cần thiết hoặc theo yêu cầu)* để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy và cơ quan liên quan:

- Phối hợp thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu và chức năng, nhiệm vụ.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 18. Phương pháp quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Hằng năm, tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 1 đến 2 lần cho cả quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp.

Điều 19. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi quy hoạch

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện:

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm

quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định.

2. Về độ tuổi quy hoạch:

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ kế tiếp đó (*60 tháng*). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch:

- Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp ủy, lãnh đạo cấp ủy, các ban, cơ quan của Đảng, ủy ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

- Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Điều 20. Hệ số, số lượng và cơ cấu quy hoạch

1. Về hệ số, số lượng:

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

- Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý: Mỗi chức danh quy hoạch không quá ba cán bộ và một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp.

2. Về cơ cấu:

Phân đấu cơ cấu, tỷ lệ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (*dưới 42 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp xã*) từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên; cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ khoảng 5 - 10%, tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực; cấp xã và tương đương trở lên phải có cán bộ nữ trong quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý.

Điều 21. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch:

Quy trình quy hoạch gồm 2 quy trình: (1) Quy hoạch cán bộ đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ đối với nguồn nhân sự từ nơi khác.

- Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Thực hiện theo Phụ lục 2 của Quy định này.

- Đối với các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ: Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ vào Phụ lục 2 của Quy định này để quy định cụ thể cho phù hợp.

2. Hồ sơ nhân sự: Thực hiện theo Phụ lục 5 Quy định này.

Điều 22. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch:

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý quy hoạch:

Căn cứ kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

- Sau 30 ngày làm việc kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) đối với các chức danh ủy viên ban chấp hành đảng bộ, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư đảng ủy, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và ủy viên ban chấp hành đảng bộ, ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy để quản lý theo quy định (*kèm theo các quyết định phê duyệt quy hoạch*).

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 23. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ đã được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch; quá tuổi bổ nhiệm; bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (*đối với cá nhân*) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc được cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm chức vụ; đã từ trần hoặc nghỉ công tác thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch (*cơ quan tham mưu tổ chức cán bộ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định đưa ra khỏi quy hoạch mà không phải lấy phiếu biểu quyết*).

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp trong quy hoạch

Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc diện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền: (i) Số lượng quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn theo quy định, nhưng không vượt quá số lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm hợp nhất, sáp nhập; chậm nhất sau 5 năm (tính từ thời điểm quyết định hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực) số lượng quy hoạch sẽ thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền. (ii) Các chức danh lãnh đạo, quản lý được phê duyệt quy hoạch trước khi hợp nhất, sáp nhập, nếu còn hiệu lực và thời hạn quy hoạch theo quy định thì vẫn được xem xét để bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh quy hoạch hoặc chức danh tương đương theo quy định.

Chương IV

BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ

Điều 25. Nguyên tắc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín của cán bộ; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

Điều 26. Về bổ nhiệm, bố trí, sử dụng đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm

1. Có thể xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật (*do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp ủy có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra*).

- Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (*nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo*) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách

nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

- Cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức: Khiển trách (*sau 24 tháng*); cảnh cáo không thuộc trường hợp bị miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ (*sau 36 tháng*); cách chức (*sau 60 tháng*), tính từ thời điểm quyết định kỷ luật của cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực; nếu nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền đánh giá đã hoàn thành việc kiểm điểm, khắc phục các vi phạm, khuyết điểm (*nếu có*) theo yêu cầu tại kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng; đồng thời, được các cấp ủy trực tiếp quản lý cán bộ đánh giá là có phẩm chất, năng lực và có khả năng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao thì cấp có thẩm quyền có thể xem xét, bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Không xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng được xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với trường hợp cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo nay đã hết thời hạn kỷ luật nhưng chưa đủ thời gian theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

3. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng có thể xem xét, cân nhắc kỷ lưỡng từng trường hợp để bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với: Cán bộ hiện đang trong thời gian thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách (*trừ các trường hợp vi phạm về quan điểm chính trị; vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng; chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; vi phạm quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội*).

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỷ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (*khách quan, chủ quan*) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (*nếu có*),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử theo quy định.

4. Tạm thời chưa xem xét, bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

5. Không bỏ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, phong, thăng quân hàm đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (*đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo*), khiếu nại kỷ luật, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, bị xem xét, xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận thanh tra, kiểm toán, bị điều tra.

Điều 27. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm nguyên tắc, quy định, quy trình, quy chế, quyết định về công tác cán bộ và thực hiện nghiêm quyền hạn, trách nhiệm trong công tác cán bộ.

3. Người đứng đầu, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình. Cụ thể:

- Người đứng đầu, tập thể đề xuất: Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về đánh giá, nhận xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu, khuyết điểm; kê khai tài sản, thu nhập... và ý kiến đề xuất của mình.

- Cơ quan thẩm định: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, thẩm tra, rà soát thông tin, tham gia ý kiến đối với nhân sự được đề xuất theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

- Tập thể quyết định cán bộ: Chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 28. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

2. Cán bộ được giới thiệu từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Cán bộ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 1 năm (*12 tháng*); trường hợp đặc biệt, chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ hoặc giữ chức vụ tương đương thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu

trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh; được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 3 năm gần nhất.

5. Độ tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức vụ cao hơn: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý (*cao hơn*) lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn 1 nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

6. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 29. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ là 5 năm (60 tháng) đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị và doanh nghiệp nhà nước.

2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 5 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng.

3. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ của tổ chức đó.

Điều 30. Thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

Căn cứ vào số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh (*sau đây gọi chung là tập thể lãnh đạo*) thực hiện các công việc sau:

1. Ban hành văn bản trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho chủ trương về số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung, nguồn nhân sự, trong đó dự kiến phân công lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể.

Đối với việc kiện toàn, bổ sung thay thế khi cán bộ nghỉ hưu: Chậm nhất 60 ngày tính đến thời điểm cán bộ nghỉ hưu, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải có tờ trình đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cho chủ trương thực hiện quy trình bổ sung nhân sự theo quy định. Trường hợp cơ quan, đơn vị không có tờ trình đề nghị thì Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ động báo cáo, tham mưu trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

2. Sau khi có chủ trương, chậm nhất trong thời gian 30 ngày làm việc, tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị phải hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự theo quy định (*khi thực hiện quy trình thì mời Ban Tổ chức Tỉnh ủy, đảng ủy cấp trên trực tiếp tham dự; đối với các chức danh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm thì mời Sở Nội vụ tham dự*). Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì tập thể lãnh đạo có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét (*qua Ban*

Tổ chức Tỉnh ủy).

3. Đề xuất nhân sự cụ thể.

4. Thẩm định nhân sự

a) Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị làm tờ trình, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) để thẩm định nhân sự.

b) Không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo quy định, Ban Tổ chức Tỉnh ủy gửi văn bản (*kèm theo bản sao sơ yếu lý lịch 2C của nhân sự*) xin ý kiến thẩm định của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được phân công phụ trách và các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định đối với nhân sự.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định nhân sự phải có văn bản trả lời Ban Tổ chức Tỉnh ủy (*trường hợp cần thiết theo yêu cầu của Thường trực Tỉnh ủy thì thời gian trả lời ngắn hơn*). Quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì được coi là đồng ý với đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử. Trường hợp vì lý do khách quan, cần thêm thời gian để xem xét, xác minh, thẩm tra thì phải có văn bản gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy để biết, theo dõi nhưng không quá 15 ngày làm việc.

d) Không quá 10 ngày làm việc, Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm tổng hợp ý kiến thẩm định hoặc xác minh, thẩm tra (*nếu có*) và ban hành tờ trình đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

e) Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định theo chương trình công tác. Nếu không tổ chức họp, trường hợp cần thiết có thể gửi phiếu biểu quyết (*hoặc gửi văn bản*) xin ý kiến các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo thẩm quyền.

f) Không quá 2 ngày làm việc kể từ ngày Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy kết luận, Ban Tổ chức Tỉnh ủy dự thảo quyết định bổ nhiệm để Thường trực Tỉnh ủy ký hoặc thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đến các cơ quan liên quan để thực hiện việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

Điều 31. Thủ tục, quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý

Thủ tục, quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh thực hiện theo các quy định của Trung ương.

Điều 32. Quy trình bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức danh lãnh đạo thuộc diện

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Thực hiện theo Phụ lục 3.

2. Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức: Nếu bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đảm nhiệm trước khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì tập thể lãnh đạo có thẩm quyền căn cứ phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ để thảo luận xem xét, quyết định bổ nhiệm mà không phải thực hiện quy trình nhân sự theo quy định; trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn thì phải thực hiện quy trình nhân sự như bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ở nơi khác.

3. Đối với tổ chức có đặc thù: Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, tổng thể và liên thông.

Điều 33. Bổ sung các chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh

1. Khi cần bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn thiếu so với số lượng mà đại hội quyết định hoặc trong khung số lượng do Trung ương quy định, Tỉnh ủy chủ động thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định mà không phải xin chủ trương.

Những nhân sự đã được đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành giới thiệu vào danh sách bầu cử tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét, bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành ít nhất 12 tháng.

2. Đối với kiện toàn, bổ sung các chức danh Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy phải báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xin chủ trương và dự kiến nguồn nhân sự trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

3. Đối với nhân sự được đề nghị giới thiệu để bầu tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy phải gửi văn bản đề nghị về Ban Tổ chức Trung ương để lấy ý kiến thẩm định của cơ quan tham mưu, giúp việc Trung ương Đảng trước khi giới thiệu để bầu theo quy định.

Điều 34. Bổ sung các chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cấp xã và cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh

1. Khi cần bổ sung cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy trực thuộc tỉnh còn thiếu so với quy định thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định mà không phải xin chủ trương.

Những nhân sự đã được đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành giới thiệu vào danh sách bầu cử tham gia ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy nhưng kết quả đạt

không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét, bổ sung vào cấp ủy, ban thường vụ cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành ít nhất 12 tháng.

2. Đối với kiện toàn, bổ sung chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xin chủ trương và dự kiến nguồn nhân sự trước khi thực hiện quy trình nhân sự. Trường hợp nhân sự dự kiến giới thiệu để bầu giữ bí thư, phó bí thư đảng ủy xã, phường kiêm chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, phường thì xin ý kiến đồng thời về 2 chức vụ để Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương cùng một lần.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu đề xuất Thường trực Tỉnh ủy xem xét và thông báo bằng văn bản cho đơn vị về số lượng, nguồn nhân sự để lựa chọn bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

3. Khi luân chuyển, điều động, bổ nhiệm đồng chí chỉ huy trưởng, trưởng công an xã, phường là nguồn nhân sự từ đảng bộ khác trong thời gian giữa hai nhiệm kỳ đại hội đảng bộ xã thì Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy để thực hiện quy trình đề nghị Thường trực Tỉnh ủy chỉ định bổ sung đồng chí đó vào ban chấp hành, ban thường vụ đảng ủy xã, phường; thống nhất với đảng ủy xã, phường để thực hiện quy trình chỉ định bổ sung đồng chí đó vào đảng ủy, ban thường vụ và chỉ định giữ chức bí thư đảng ủy công an xã, phường theo quy định.

4. Quy trình nhân sự đề nghị bổ sung ban chấp hành, ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường; bổ sung phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường:

4.1. Đối với bổ sung ban chấp hành đảng bộ trực thuộc, đảng bộ xã, phường thực hiện quy trình nhân sự như sau:

a) Ban thường vụ đảng ủy trực thuộc, đảng ủy xã, phường chủ động thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự mà không phải xin chủ trương.

b) Sau khi lựa chọn được nhân sự cụ thể, đảng ủy trực thuộc, đảng ủy xã, phường lập tờ trình gửi kèm theo hồ sơ về Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

c) Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, gửi văn bản xin ý kiến thẩm định của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Công an tỉnh, cơ quan liên quan.

d) Sau khi có ý kiến thẩm định của các cơ quan, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp và trình xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy bằng văn bản trước khi trình ký quyết định chỉ định theo quy định.

4.2. Đối với bổ sung ban thường vụ, ủy ban kiểm tra (*chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra*) đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường thực hiện quy trình nhân sự như sau:

a) Ban thường vụ đảng ủy trực thuộc, đảng ủy xã, phường chủ động thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự mà không phải xin chủ trương.

b) Sau khi lựa chọn được nhân sự cụ thể, đảng ủy trực thuộc, đảng ủy xã, phường lập tờ trình gửi kèm theo hồ sơ về Ban Tổ chức Tỉnh ủy (*đối với chức danh ủy ban kiểm tra gửi hồ sơ về Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy*).

c) Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, gửi văn bản xin ý kiến thẩm định của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Công an tỉnh, cơ quan liên quan và có ý kiến bằng văn bản đề ban chấp hành đảng bộ xã, phường thực hiện việc bầu cử theo quy định (*Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì đối với chức danh ủy ban kiểm tra*). Đối với chức danh ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy trình Thường trực Tỉnh ủy giới thiệu nhân sự để bầu theo quy định.

d) Sau khi có kết quả bầu cử, đảng ủy trực thuộc, đảng ủy xã, phường lập tờ trình gửi kèm theo kết quả bầu cử về Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì đối với chức danh ủy viên ban thường vụ, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì đối với chức danh ủy ban kiểm tra, tham mưu trình xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy bằng văn bản trước khi trình ký quyết định chuẩn y theo quy định.

4.3. Đối với bổ sung phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện quy trình nhân sự như sau:

a) Ban thường vụ đảng ủy xã, phường báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xin chủ trương và dự kiến nguồn nhân sự trước khi thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu, đề xuất Thường trực Tỉnh ủy xem xét và thông báo chủ trương bằng văn bản để đơn vị thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự.

b) Sau khi lựa chọn được nhân sự cụ thể, ban thường vụ đảng ủy xã, phường lập tờ trình gửi kèm theo hồ sơ về Ban Tổ chức Tỉnh ủy (02 bộ hồ sơ).

c) Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, gửi văn bản xin ý kiến thẩm định của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Công an tỉnh các cơ quan liên quan và có ý kiến bằng văn bản để đơn vị thực hiện việc bầu cử theo quy định.

d) Sau khi có kết quả bầu cử, các đơn vị lập tờ trình gửi kèm hồ sơ về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh để phê chuẩn theo thẩm quyền.

Trường hợp các cơ quan liên quan có ý kiến thẩm định khác nhau, chưa thống nhất về nhân sự giới thiệu tại các Mục 5.1, 5.2, 5.3 thì Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp, trình báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định trước khi có văn bản cho ý kiến.

Điều 35. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương

1. Các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc (*từ tỉnh đến xã*) thực hiện

công tác hiệp y nhân sự với cấp ủy địa phương trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý của tổ chức đó tại địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức không tổ chức theo ngành dọc thì không thực hiện công tác hiệp y nhân sự đối với các chức danh (*không quản lý trực tiếp*) thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy địa phương theo quy định, trừ trường hợp khác có quy định riêng của Trung ương và Tỉnh ủy.

Chương V

BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ

Điều 36. Nguyên tắc, điều kiện bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cán bộ khi hết thời hạn bổ nhiệm, hết nhiệm kỳ được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ; đáp ứng tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Đủ sức khỏe để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

3. Cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật trong nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn giữ chức vụ; có thông tin về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đang, sẽ điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền thì việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thực hiện theo quy định tại Điều 26.

4. Chậm nhất 90 ngày làm việc trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền phải thông báo để cán bộ chuẩn bị thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định.

5. Cán bộ sau khi được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vì một trong các lý do: Sức khỏe không bảo đảm; uy tín giảm sút; không hoàn thành nhiệm vụ; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước,... thì cấp có thẩm quyền quyết định việc thay thế, cho thôi giữ chức, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ, hết nhiệm kỳ công tác.

6. Việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử được tiến hành theo quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 37. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

Những trường hợp không đủ điều kiện bổ nhiệm lại thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Việc bổ nhiệm lại đối với những cán bộ tính đến tuổi nghỉ hưu không còn đủ thời gian công tác 5 năm như sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý còn đủ 2 năm công tác trở lên thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định.

- Trường hợp còn dưới 2 năm công tác thì người đứng đầu và tập thể lãnh đạo thảo luận, xem xét, nếu cán bộ còn sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, biểu quyết (*bằng phiếu kín*), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại.

3. Cán bộ không được bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác theo nguyên tắc không được bố trí chức vụ tương đương, quan trọng hơn hoặc cao hơn.

Điều 38. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Trước khi hết thời hạn giữ chức vụ 60 ngày, cơ quan, đơn vị có cán bộ bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử yêu cầu cán bộ làm báo cáo tự đánh giá, nhận xét việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

2. Tập thể cán bộ chủ chốt địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến và bỏ phiếu tín nhiệm (*bằng phiếu kín*) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (*thành phần tham dự tương tự như hội nghị cán bộ chủ chốt trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử*).

3. Người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ đánh giá, nhận xét và đề xuất việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

4. Tập thể lãnh đạo thảo luận, biểu quyết (*bằng phiếu kín*) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (*thành phần tham dự tương tự như hội nghị tập thể lãnh đạo tại Bước 1 trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử*).

Nguyên tắc giới thiệu: Cán bộ được trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người có mặt ở hội nghị tập thể cán bộ chủ chốt và trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người được triệu tập ở hội nghị tập thể lãnh đạo thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử; trường hợp số phiếu đạt tỷ lệ 50% (*không quá bán*) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định; trường hợp dưới 50% đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu biểu quyết, tập thể lãnh đạo báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử theo quy định.

Chương VI

ĐIỀU ĐỘNG VÀ BIỆT PHÁI CÁN BỘ

Điều 39. Mục đích, yêu cầu

Việc điều động, biệt phái cán bộ phải căn cứ yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 40. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định

1. Đối tượng: Cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.
2. Phạm vi: Giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.
3. Thẩm quyền: Theo phân cấp quản lý cán bộ.

Khi cần thiết, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định điều động, biệt phái cán bộ từ nơi khác về đảm nhận các chức vụ thuộc diện ban thường vụ đảng ủy xã, phường, cơ quan, đơn vị quản lý tại các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Điều 41. Quy trình điều động cán bộ

1. Căn cứ quy hoạch cán bộ, yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định điều động cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

2. Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chỉ đạo cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các bước sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ dự kiến điều động.

- Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến (*bằng văn bản*) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện và đáp ứng yêu cầu điều động nhưng địa phương, cơ quan, đơn vị (*nơi cán bộ công tác hoặc nơi tiếp nhận cán bộ*) hoặc cán bộ còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ tổng hợp, báo cáo đầy đủ các ý kiến và trình cấp có thẩm quyền xem

xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 42. Quy trình biệt phái cán bộ

1. Căn cứ vào yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét việc biệt phái cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

2. Thời gian biệt phái nhiều nhất là 3 năm; khi hết thời gian biệt phái thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ đi biệt phái đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với cán bộ.

3. Quy trình biệt phái:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ biệt phái.
- Bước 2: Gặp cán bộ, tập thể lãnh đạo nơi cán bộ công tác để trao đổi về chủ trương biệt phái và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.
- Bước 3: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 43. Chế độ, chính sách đối với cán bộ điều động, biệt phái

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ được điều động, biệt phái sớm ổn định công tác và sinh hoạt.

2. Cán bộ được điều động, biệt phái đến những vùng khó khăn như miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới được ưu tiên giải quyết trước thời hạn một số chế độ, chính sách.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng liên quan nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền quy định chế độ, chính sách cụ thể.

Chương VII CHO THÔI GIỮ CHỨC VỤ, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM ĐỐI VỚI CÁN BỘ

Điều 44. Nguyên tắc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Kịp thời xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm (*trừ trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 48*).

2. Khuyến khích cán bộ tự nguyện thôi giữ chức vụ, từ chức khi không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không còn đủ uy tín hoặc vi phạm chưa đến mức phải miễn nhiệm.

Điều 45. Căn cứ xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với việc cho thôi giữ chức vụ:

1.1. Chịu trách nhiệm người đứng đầu (*trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng*

hoặc người đứng đầu có thời gian giữ chức vụ chưa đủ 1 năm) khi địa phương, cơ quan, đơn vị chỉ hoàn thành dưới 70% số chỉ tiêu, nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch trong năm hoặc không hoàn thành 5 chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt: (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế. (2) Thu ngân sách nhà nước. (3) Giải ngân vốn đầu tư công. (4) Thu nhập bình quân đầu người. (5) Giảm tỷ lệ hộ nghèo.

1.2. Chịu trách nhiệm (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng) nếu kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao về xây dựng Đảng, xây dựng thể chế, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh,... theo đánh giá của cấp có thẩm quyền trong năm hoặc định kỳ của cá nhân hoặc cơ quan, đơn vị, địa phương mà mình là người đứng đầu (hoặc cấp phó của người đứng đầu được phân công chỉ đạo trực tiếp) không đạt chỉ tiêu, kế hoạch theo quy định hoặc các quyết định, quy chế, quy định, đề án, chương trình, dự án quan trọng do cơ quan, đơn vị mình phụ trách chủ trì tham mưu, đề xuất ban hành mà cơ quan chức năng kết luận không hiệu quả hoặc có nguy cơ gây hậu quả xấu,...

1.3. Quan liêu, xa dân, không giải quyết kịp thời ý kiến, nguyện vọng, lợi ích, khiếu nại, tố cáo chính đáng, hợp pháp của Nhân dân, của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín cơ quan, đơn vị.

1.4. Chịu trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra điểm nóng phức tạp kéo dài liên quan đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng.

1.5. Là người đứng đầu thiếu trách nhiệm, không kịp thời xử lý khi phát hiện cán bộ, đảng viên thuộc quyền quản lý trực tiếp vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với việc từ chức:

2.1. Cán bộ tự nguyện xin từ chức và được xem xét cho từ chức khi có một trong các căn cứ sau:

(1) Do bản thân nhận thấy hạn chế về năng lực lãnh đạo, quản lý hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

(2) Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

(3) Vì lý do khác của cá nhân.

(4) Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

(5) Trong nhiệm kỳ giữ chức vụ có 2 năm không liên tiếp bị xếp loại không

hoàn thành nhiệm vụ.

(6) Có hành vi vi phạm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

(7) Để vợ, chồng, con vi phạm pháp luật của Nhà nước; sa vào tệ nạn xã hội và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị.

(8) Để người khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn của bản thân để trục lợi và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng, bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín cá nhân và tổ chức (*trừ trường hợp bản thân không biết*).

(9) Không dám làm, không dám chịu trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả rất nghiêm trọng, dư luận xấu, bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đối với trường hợp nêu tại khoản (2) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét cho thôi giữ chức vụ; đối với các trường hợp nêu tại khoản (4), (5), (6), (7), (8), (9) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm.

2.2. Những trường hợp không được từ chức:

- Đang đảm nhận nhiệm vụ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật, chưa hoàn thành nhiệm vụ mà cần tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ do bản thân cán bộ đã thực hiện, nếu cán bộ từ chức sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiệm vụ mà đơn vị được giao.

- Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Những trường hợp có đủ căn cứ miễn nhiệm nêu tại điểm 3.5, 3.6, 3.7, 3.8, 3.9, khoản 3 Điều này.

3. Đối với việc miễn nhiệm:

3.1. Bị kỷ luật cảnh cáo và bị cấp có thẩm quyền đánh giá năng lực hạn chế, uy tín giảm sút, không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ được giao.

3.2. Bị kỷ luật khiển trách liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao 2 lần trở lên trong một nhiệm kỳ hoặc thời hạn bổ nhiệm.

3.3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

3.4. Có 2 năm liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ (*liên quan đến*

thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao).

3.5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

3.6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

3.7. Là người đứng đầu đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gây hậu quả rất nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

3.8. Là người đứng đầu đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp xảy ra mâu thuẫn, mất đoàn kết nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mức phải miễn nhiệm theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với các trường hợp nêu tại Khoản 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 46. Thẩm quyền, trách nhiệm cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định thì có thẩm quyền xem xét, quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

2. Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo báo cáo cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ đề xuất cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

3. Cấp ủy, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ theo Quy định này.

Điều 47. Quy trình xem xét và hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1.1. Khi có đủ căn cứ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc thì cấp ủy, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ hoặc cơ quan tham mưu về công tác cán bộ có trách nhiệm trao đổi với cán bộ và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.2. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

1.3. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, quy chế hoạt động của từng tổ chức.

2. Hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm:

2.1. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ; đơn xin từ chức của cán bộ đối với trường hợp từ chức.

2.2. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, biên bản hội nghị, đơn của cán bộ xin từ chức, báo cáo đề nghị của cơ quan sử dụng cán bộ và các tài liệu có liên quan.

Điều 48. Bố trí công tác đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ:

Cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ thì cấp có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (*trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định*) và không quan trọng hơn; sau ít nhất từ 12 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu cán bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét việc quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi cho thôi giữ chức vụ theo quy định.

2. Đối với cán bộ sau khi từ chức:

- Trường hợp cán bộ còn thời gian công tác dưới 5 năm thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (*không làm công tác lãnh đạo, quản lý*).

- Trường hợp cán bộ còn thời gian công tác từ 5 năm trở lên thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (*trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định*); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu khắc phục tốt các vi phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém (*nếu có*), được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi từ chức theo quy định.

3. Đối với cán bộ sau khi miễn nhiệm:

- Cán bộ sau khi miễn nhiệm thì cấp có thẩm quyền xem xét bố trí làm công tác chuyên môn (*không làm công tác lãnh đạo, quản lý*); sau ít nhất từ 36 tháng công tác ở vị trí mới, nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền

xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

- Đối với các trường hợp nêu tại điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, khoản 3, Điều 45, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (*trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định*); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi miễn nhiệm theo quy định.

4. Nếu cán bộ sau khi thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm mà có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ hưu thì được giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Chương VIII

THẨM QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG VIỆC TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP DƯỚI

Điều 49. Phạm vi, đối tượng trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Áp dụng đối với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị (*sau đây gọi tắt là người đứng đầu*) tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Việc tạm đình chỉ đối với các chức danh cấp ủy viên, đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, các chức danh tư pháp, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và ủy viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của tổ chức.

3. Việc tạm đình chỉ công tác nhằm ngăn chặn kịp thời tác động tiêu cực, cản trở việc xem xét, xử lý vi phạm đối với cán bộ. Nghiêm cấm lợi dụng việc tạm đình chỉ công tác vì mục đích cá nhân.

4. Người đứng đầu khi đã có thông báo nghỉ hưu, nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc đang bị xem xét kỷ luật, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo phải báo cáo và được sự đồng ý của thường trực cấp ủy cấp trên trực tiếp (*hoặc cấp ủy cấp trên trực tiếp đối với những nơi không có thường trực cấp ủy*) trước khi thực hiện thẩm quyền tạm đình chỉ công tác.

5. Người đứng đầu xem xét kịp thời ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo quy định mà không cần phải tiến hành thảo luận và biểu quyết trong tập thể lãnh đạo.

Điều 50. Căn cứ xem xét tạm đình chỉ công tác

1. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết:

1.1. Cán bộ có hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

1.2. Cán bộ cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ.

1.4. Cán bộ đang bị xem xét, xử lý kỷ luật mà cố ý trì hoãn, trốn tránh không thực hiện yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm của bản thân hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình, của người khác để tác động, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.

1.5. Cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức và đang trong thời gian chờ xem xét, xử lý chức vụ chính quyền mà nếu tiếp tục công tác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng:

2.1. Cán bộ bị khởi tố bị can để phục vụ công tác điều tra.

2.2. Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của cán bộ, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có văn bản đề nghị tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

Điều 51. Thẩm quyền, trách nhiệm trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Thẩm quyền của người đứng đầu và quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác:

1.1. Thẩm quyền của người đứng đầu:

- Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới theo danh mục (*nêu tại Phụ lục 4*) khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 50. Trường hợp chưa có trong danh mục thì do người đứng đầu cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và quản lý xem xét, quyết định tạm đình chỉ công tác.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; các cơ quan, đơn vị thực hiện các thủ tục liên quan theo quy định.

- Đề nghị cơ quan chức năng cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác hoặc yêu cầu cơ quan chức năng kiểm tra, xác minh làm rõ, xử lý vi phạm theo quy định.

- Yêu cầu cán bộ bị tạm đình chỉ công tác chấp hành các yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc người có thẩm quyền để phục vụ công tác xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

1.2. Quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác:

- Có quyền đề nghị người đứng đầu xem xét lại quyết định tạm đình chỉ công tác nếu có căn cứ xác định việc tạm đình chỉ công tác không đúng quy định.

- Được khôi phục lại quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi được cơ quan chức năng kết luận không vi phạm, không bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự.

- Chế độ, chính sách đối với cán bộ bị tạm đình chỉ công tác được thực hiện như thời điểm chưa bị tạm đình chỉ công tác.

2. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc tạm đình chỉ công tác:

2.1. Trách nhiệm của người đứng đầu:

- Kịp thời ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 50; hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác trong trường hợp không đúng quy định hoặc khi có kết luận không vi phạm, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ.

- Chịu trách nhiệm về việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác, hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác. Công bố quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác trong cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác và gửi quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, nếu có nhiều tình tiết phức tạp cần có thời gian tiếp tục xác minh, làm rõ vi phạm của cán bộ thì báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ trước khi gia hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.2. Trách nhiệm của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác:

- Chấp hành nghiêm quyết định tạm đình chỉ công tác.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan và chấp hành yêu cầu của người đứng đầu, cấp có thẩm quyền trong quá trình xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

2.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan:

Tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về công tác tham mưu, đề xuất, đề nghị và ra quyết định tạm đình chỉ công tác và thực hiện việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 52. Thời hạn tạm đình chỉ công tác

1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết không quá 30 ngày làm việc, trường hợp phải gia hạn thì thời gian gia hạn tạm đình chỉ công tác tối đa không quá 30 ngày làm việc.

2. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực hiện theo văn bản đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thi hành án.

3. Quyết định tạm đình chỉ công tác đương nhiên hết hiệu lực thi hành khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác.

Điều 53. Thủ tục, hồ sơ tạm đình chỉ công tác

1. Thủ tục tạm đình chỉ công tác:

1.1. Khi xác định có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 50 thì chậm nhất sau 2 ngày làm việc, cơ quan tổ chức cán bộ có trách nhiệm tham mưu người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

1.2. Chậm nhất sau 1 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan tổ chức cán bộ, người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

1.3. Trong 3 ngày làm việc, kể từ ngày có đủ cơ sở để hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác thì người đứng đầu ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

1.4. Quyết định tạm đình chỉ công tác và quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác được gửi đến cán bộ bị tạm đình chỉ công tác, công bố trong cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ và gửi đến cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Quản lý hồ sơ

Quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định hủy bỏ tạm đình chỉ công tác và tài liệu liên quan phải lưu vào hồ sơ cán bộ, được quản lý, sử dụng theo quy định.

Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định này để quy định cụ thể việc phân cấp, thẩm quyền, trách nhiệm, nội dung quản lý cán bộ; quy trình, thủ tục quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ trong diện được phân cấp quản lý (cả đương chức và nghỉ hưu) và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới.

2. Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn một số nội dung, trình tự, mẫu thủ tục (khi thấy cần thiết) trong Quy định này; phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Điều 55. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký; thay thế các Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Số 25-QĐ/TU, ngày 12/9/2024 về phân cấp quản lý cán bộ, bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử; số 05-QĐ/TU, ngày 30/3/2022 về công tác quy hoạch cán bộ; Kết luận số 261-KL/TU, ngày 06/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương bố trí công tác đối với cán bộ thuộc diện Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý sau kỷ luật. và các văn bản cụ thể hóa của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước đây có nội dung trái với Quy định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*để báo cáo*),
- Ban Tổ chức Trung ương (*để báo cáo*),
- Văn phòng Trung ương Đảng (*để báo cáo*),
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH cấp tỉnh,
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Trần Tiến Dũng

Phụ lục 1**ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH**

(kèm theo Quy định số ~~04~~-QĐ/TU, ngày ~~13~~ / ~~12~~/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

A- ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ

I- Quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Đối tượng 1: Cấp trưởng, cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và tương đương (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); bí thư, phó bí thư các đảng ủy trực thuộc; bí thư đảng ủy xã, phường.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Phó bí thư đảng ủy xã, phường và tương đương; trưởng phòng của ban, sở, ngành tỉnh và tương đương; cấp phó các ban, cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- Quy hoạch Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở tỉnh và tương đương (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*); bí thư, phó bí thư đảng ủy trực thuộc; bí thư đảng ủy xã, phường.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

III- Quy hoạch các chức danh có cơ cấu tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy:
Cấp trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Chủ tịch

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh (chuyên trách), Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh

Áp dụng đối tượng quy hoạch Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại mục II, Phần A của Phụ lục này.

IV- Quy hoạch các chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó (được quy hoạch cấp trưởng) các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy; cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp trưởng các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh; bí thư, phó bí thư (đã được quy hoạch bí thư) đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; bí thư đảng ủy xã, phường.

Các đồng chí này chưa tham gia Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

V- Quy hoạch chức danh: Giám đốc các sở, trưởng các cơ quan, ban, ngành tương đương cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc là trưởng tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; bí thư chuyên trách các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

1. Đối tượng 1: Cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy; Thư ký Bí thư Tỉnh ủy; cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp trưởng các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh; phó bí thư các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; bí thư đảng ủy các xã, phường.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; ủy viên ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; phó bí thư đảng ủy, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; trưởng phòng, phó trưởng phòng (được quy hoạch cấp trưởng phòng) và tương đương thuộc các cơ quan chuyên trách tham

muu, giúp việc Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; trưởng phòng và tương đương thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Trường Chính trị tỉnh, Báo và phát thanh, truyền hình Điện Biên; cấp phó các ban, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp trưởng các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh; cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

VI- Quy hoạch các chức danh: Phó giám đốc các sở, cấp phó các cơ quan, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; cấp trưởng các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh; phó bí thư chuyên trách các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; bí thư đảng ủy các xã, phường

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; ủy viên ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; ủy viên ban thường vụ chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; phó bí thư đảng ủy, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; trưởng phòng, phó trưởng phòng (*được quy hoạch cấp trưởng phòng*) và tương đương thuộc các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; trưởng phòng và tương đương thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Trường Chính trị tỉnh, Báo và phát thanh, truyền hình Điện Biên; cấp phó các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; cấp phó các hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh; cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; phó trưởng phòng (*được quy hoạch cấp trưởng*) và tương đương của các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Trường Chính trị tỉnh, Báo và phát thanh, truyền hình Điện Biên; trưởng phòng và tương đương của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

VII- Quy hoạch chức danh phó bí thư đảng ủy, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Đối tượng 1: Ủy viên ban thường vụ đảng ủy xã, phường và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; phó trưởng phòng (*được quy hoạch cấp trưởng*) và tương đương của các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Trường Chính trị tỉnh, Báo và phát thanh, truyền hình Điện Biên; trưởng phòng và tương đương của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, ủy viên ban chấp hành đảng bộ các xã, phường; cấp trưởng các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị thuộc xã, phường và tương đương; bí thư cấp ủy trực thuộc đảng bộ xã, phường; phó trưởng phòng và tương đương của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

B- ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH BAN THƯỜNG VỤ, BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ CÁC XÃ, PHƯỜNG VÀ ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC TỈNH ỦY

I- Quy hoạch ban thường vụ đảng ủy các xã, phường, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

1. Đối tượng 1: Ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường và đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó (*được quy hoạch cấp trưởng*) các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị thuộc xã, phường và tương đương; bí thư, phó bí thư (*được quy hoạch bí thư*) cấp ủy trực thuộc đảng bộ xã, phường và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

II- Quy hoạch ban chấp hành đảng bộ xã, phường và đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy

1. Đối tượng 1: Cấp trưởng, cấp phó (*được quy hoạch chức danh cấp trưởng*) các phòng, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị thuộc xã, phường và tương đương; bí thư, phó bí thư (*đã được quy hoạch chức danh bí thư*) cấp ủy trực thuộc đảng bộ xã, phường và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (*60 tháng*) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy xã, phường; ủy viên ban thường vụ cấp ủy cơ sở thuộc các đảng bộ xã, phường và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

Phụ lục 2

**QUY TRÌNH QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO,
QUẢN LÝ THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ**
(kèm theo Quy định số ~~04~~ - QĐ/TU, ngày 13/ 12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

**A- QUY TRÌNH NHÂN SỰ QUY HOẠCH ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ TỈNH, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VÀ CÁC CHỨC
DANH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CẤP TỈNH**

I- Quy trình quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ

1. Xây dựng kế hoạch quy hoạch đầu nhiệm kỳ

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh; Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì tham mưu, thực hiện các công việc sau: (i) Xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ của tỉnh. (ii) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Quy trình quy hoạch

Bước 1: Tổ chức hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận, thông qua kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của tỉnh và danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. (ii) Bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định (trừ các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch). (iii) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

- Thành phần: Bí thư và tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Nguyên tắc:

+ Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý đưa ra khỏi quy hoạch thì quyết định đưa ra khỏi quy hoạch (hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền đưa khỏi quy hoạch).

+ Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu đưa vào quy hoạch phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người được triệu tập để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 2: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả định hướng giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị tiến hành thảo luận và phát hiện, ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

- Thành phần: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; cấp trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy; cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh (*bao gồm các cơ quan ngành dọc sinh hoạt đảng tại địa phương*); bí thư các đảng ủy trực thuộc và bí thư đảng ủy xã, phường.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 3: Tổ chức hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

- Thành phần: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Tổ chức hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*lần 2*).

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và kết quả giới thiệu nhân sự ở các bước, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

- Thành phần: Như bước 1.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.
- Kết quả kiểm phiếu ở bước 1, 4 được công bố tại hội nghị; đối với các bước 2, 3 không công bố tại các hội nghị.

II- Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

Bước 1: Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì tham mưu, thực hiện các công việc sau: (i) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (*trong quy hoạch và ngoài quy hoạch*); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (ii) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Bước 2: Tổ chức hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành: (i) Thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác. (ii) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập.

Bước 3: Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác

Ban Tổ chức Tỉnh ủy gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

Bước 4: Tổ chức hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (lần 2)

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

* Lưu ý:

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

- Thành phần hội nghị ở các bước tương tự như thành phần trong quy trình quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ.

- Kết quả kiểm phiếu ở bước 2, 4 được công bố tại hội nghị.

B- QUY TRÌNH NHÂN SỰ QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ *(không bao gồm các chức danh ở Mục A, Phụ lục này)*

I- Quy trình quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ

1. Xây dựng kế hoạch quy hoạch đầu nhiệm kỳ

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; ban thường vụ cấp ủy xã, phường, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (i) Xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ của đơn vị mình. (ii) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Quy trình quy hoạch

Bước 1: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo *(lần 1)*

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo: (i) Thảo luận, thông qua kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị và danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. (ii) Bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định *(trừ các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch)*. (iii) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

- Thành phần:

(1) Đối với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành cấp tỉnh là người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu.

(2) Đối với Mặt trận Tổ quốc tỉnh là ban thường trực. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội là ban thường vụ của tổ chức chính trị - xã hội.

(3) Đối với các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

(4) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh là người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu.

(5) Đối với đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường là bí thư và tập thể ban thường vụ. Đối với đảng ủy cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy là bí thư và tập thể ban chấp hành đảng bộ.

- Nguyên tắc:

+ Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý đưa ra khỏi quy hoạch thì báo cáo, đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

+ Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người được triệu tập để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 2: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả định hướng giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị tiến hành thảo luận và phát hiện, ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

- Thành phần:

(1) Đối với cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành cấp tỉnh là tập thể lãnh đạo; đảng ủy (*chi ủy cơ sở*); trưởng, phó các phòng (*ban*) và tương đương; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan (*nếu có*).

(2) Đối với Mặt trận Tổ quốc tỉnh là ban thường trực; đảng ủy; trưởng, phó các phòng (*ban*) và tương đương; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc; chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội là ban chấp hành của tổ chức chính trị - xã hội; trưởng, phó các phòng (*ban*) và tương đương; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan (*nếu có*); trưởng các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường.

(3) Đối với các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; trưởng, phó các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan (*nếu có*). Đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, ngoài thành phần nêu trên có thêm thành phần tham dự là Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội chuyên trách; trưởng, phó các phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

(4) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh là tập thể lãnh đạo; đảng ủy (*chi ủy cơ sở*); trưởng, phó các phòng (*ban*) và tương đương; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của đơn vị (*nếu có*).

(5) Đối với đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó các phòng (*ban*) và tương đương; bí thư, phó bí thư các đảng ủy (*chi bộ*) trực thuộc và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan (*nếu có*). Đối với đảng ủy cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy là ban chấp hành đảng bộ; bí thư, phó bí thư đảng ủy bộ phận trực thuộc (*nếu có*); bí thư, phó bí thư các chi bộ trực thuộc; trưởng, phó các phòng (*khoa*) và tương đương; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan (*nếu có*).

(6) Đối với đảng ủy xã, phường là ban chấp hành đảng bộ xã, phường; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, phường; chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; cấp trưởng các phòng (*ban*), đơn vị trực thuộc và tương đương; cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường; bí thư các đảng ủy cơ sở (*chi ủy cơ sở*) trực thuộc.

(7) Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị không có đơn vị trực thuộc hoặc có đơn vị trực thuộc nhưng có dưới 30 người thì thành phần là toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 3: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (*bằng phiếu kín*).

- Thành phần:

(1) Đối với cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành cấp tỉnh là tập thể lãnh đạo; đảng ủy (*chi ủy cơ sở*); trưởng phòng (*ban*) và tương đương; trưởng các đơn vị trực thuộc.

(2) Đối với Mặt trận Tổ quốc tỉnh là ban thường trực; đảng ủy; trưởng phòng (*ban*) và tương đương; trưởng các đơn vị trực thuộc. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội là ban chấp hành của tổ chức chính trị - xã hội.

(3) Đối với các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; trưởng các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, ngoài thành phần nêu trên có thêm thành phần tham dự là Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội chuyên trách.

(4) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh: Tập thể lãnh đạo; đảng ủy (*chi ủy cơ sở*); trưởng phòng (*khoa*) và tương đương; trưởng các đơn vị trực thuộc.

(5) Đối với đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường là ban chấp hành đảng bộ. Đối với đảng ủy cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy là ban chấp hành đảng bộ; bí thư đảng ủy bộ phận trực thuộc (*nếu có*); bí thư các chi bộ trực thuộc; trưởng phòng (*khoa*) và tương đương.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (*lần 2*).

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và kết quả giới thiệu nhân sự ở các bước, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

- Thành phần: Như bước 1.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.
- Kết quả kiểm phiếu ở bước 1, 4 được công bố tại hội nghị; đối với các bước 2, 3 không công bố tại các hội nghị.

II- Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

Bước 1: Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, ban thường vụ cấp ủy xã, phường, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (i) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (*trong quy hoạch và ngoài quy hoạch*); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (ii) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (*lần 1*)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo tiến hành: (i) Thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác. (ii) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập.

Bước 3: Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 2 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.
- Thành phần hội nghị ở các bước tương tự như thành phần trong quy trình quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ.
- Kết quả kiểm phiếu ở bước 2, 4 được công bố tại hội nghị.

Phụ lục 3

**QUY TRÌNH BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ
CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH
ỦY QUẢN LÝ**

(kèm theo Quy định số 04-QĐ/TU, ngày 13 / 12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I- QUY TRÌNH BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Khi có nhu cầu bổ sung các chức danh: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp thống nhất chủ trương.

1. Đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo

Trên cơ sở chủ trương, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn cán bộ (*gồm cán bộ trong quy hoạch và quy hoạch chức danh tương đương trở lên*), người đứng đầu chủ trì cùng tập thể lãnh đạo thảo luận, rà soát, thống nhất về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình nhân sự; đồng thời, tiến hành rà soát kết quả đánh giá, nhận xét đối với từng cán bộ trong quy hoạch, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự.

- Thành phần: Bí thư và tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

Trên cơ sở kết quả giới thiệu định hướng nhân sự ở bước 1, hội nghị thảo luận và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Thành phần: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 1; người nào đạt số phiếu

đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người nào đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự (*kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị*).

- Thành phần: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; cấp trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy; cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh (*bao gồm các cơ quan ngành dọc sinh hoạt đảng tại địa phương*); bí thư các đảng ủy trực thuộc và bí thư đảng ủy xã, phường.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 2; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập có mặt thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt số phiếu trên 50% thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo

Trên cơ sở kết quả lấy phiếu ở các bước; ý kiến đánh giá, nhận xét của cấp ủy cơ quan nơi công tác; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (*nếu có*) đối với nhân sự; tập thể lãnh đạo thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Thành phần:

+ Đối với chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

+ Đối với chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh là Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*Ban Thường vụ Tỉnh ủy phải tổ chức lấy ý kiến của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trước khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định giới thiệu nhân sự để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu*).

- Nguyên tắc lựa chọn: Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu so với tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn giới thiệu, bổ nhiệm. Trường hợp 2 người có số phiếu ngang nhau đạt tỷ lệ 50% thì người đứng đầu xem xét, lựa chọn

nhân sự đề trình, đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Căn cứ kết quả biểu quyết của tập thể lãnh đạo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận, xem xét, thống nhất tờ trình do cơ quan tham mưu chuẩn bị để giới thiệu nhân sự theo quy định. Cụ thể:

+ Đối với chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: Trình Ban Bí thư Trung ương Đảng xem xét, quyết định chỉ định vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

+ Đối với chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Gửi văn bản đề nghị về Ban Tổ chức Trung ương để lấy ý kiến thẩm định của cơ quan tham mưu, giúp việc Trung ương Đảng trước khi giới thiệu đề bầu theo quy định.

2. Đối với nguồn nhân sự từ bên ngoài

Đối với nguồn nhân sự ngoài tỉnh thực hiện theo quy định của Trung ương.

II- QUY TRÌNH BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH KHÁC

1. Đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo

Trên cơ sở chủ trương của cấp có thẩm quyền, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn cán bộ (*gồm cán bộ trong quy hoạch và quy hoạch chức danh tương đương trở lên*), người đứng đầu chủ trì cùng tập thể lãnh đạo thảo luận, rà soát, thống nhất về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình nhân sự; đồng thời, tiến hành rà soát kết quả đánh giá, nhận xét đối với từng cán bộ trong quy hoạch, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự.

- Thành phần:

(1) Đối với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành cấp tỉnh là người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu.

(2) Đối với Mặt trận Tổ quốc tỉnh là ban thường trực. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội là ban thường vụ của tổ chức chính trị - xã hội.

(3) Đối với các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

(4) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh là người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu.

(5) Đối với đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường là bí thư và tập thể ban thường vụ. Đối với đảng ủy cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy là bí thư và tập thể ban chấp hành đảng bộ.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

Trên cơ sở kết quả giới thiệu định hướng nhân sự ở bước 1, hội nghị thảo luận và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Thành phần:

(1) Đối với cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành cấp tỉnh là tập thể lãnh đạo; đảng ủy (*chi ủy cơ sở*); trưởng phòng (*ban*) và tương đương; trưởng các đơn vị trực thuộc.

(2) Đối với Mặt trận Tổ quốc tỉnh là ban thường trực; đảng ủy; trưởng phòng (*ban*) và tương đương; trưởng các đơn vị trực thuộc. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội là ban chấp hành của tổ chức chính trị - xã hội.

(3) Đối với các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; trưởng các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, ngoài thành phần nêu trên có thêm thành phần tham dự là Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội chuyên trách.

(4) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh: Tập thể lãnh đạo; đảng ủy (*chi ủy cơ sở*); trưởng phòng (*khoa*) và tương đương; trưởng các đơn vị trực thuộc.

(5) Đối với đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường là ban chấp hành đảng bộ. Đối với đảng ủy cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy là ban chấp hành đảng bộ; bí thư đảng ủy bộ phận trực thuộc (*nếu có*); bí thư các chi bộ trực thuộc; trưởng phòng (*khoa*) và tương đương.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 1; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có

người nào đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự (*kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị*).

- Thành phần tham dự:

(1) Đối với cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành cấp tỉnh là tập thể lãnh đạo; đảng ủy (*chi ủy cơ sở*); trưởng, phó các phòng (ban) và tương đương; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan (*nếu có*).

(2) Đối với Mặt trận Tổ quốc tỉnh là ban thường trực; đảng ủy; trưởng, phó các phòng (ban) và tương đương; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc; chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường. Đối với các tổ chức chính trị - xã hội là ban chấp hành của tổ chức chính trị - xã hội; trưởng, phó các phòng (ban) và tương đương; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan (*nếu có*); trưởng các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường.

(3) Đối với các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh là Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng ủy Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; trưởng, phó các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan (*nếu có*). Đối với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, ngoài thành phần nêu trên có thêm thành phần tham dự là Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội chuyên trách; trưởng, phó các phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

(4) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh là tập thể lãnh đạo; đảng ủy (*chi ủy cơ sở*); trưởng, phó phòng (ban) và tương đương; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của đơn vị (*nếu có*).

(5) Đối với đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó các phòng (ban) và tương đương; bí thư, phó bí thư các đảng ủy (*chi bộ*) trực thuộc và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan (*nếu có*). Đối với đảng ủy cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy là ban chấp hành đảng bộ; bí thư, phó bí thư đảng ủy bộ phận trực thuộc (*nếu có*); bí thư, phó bí thư các chi bộ trực thuộc; trưởng, phó phòng (*khoa*) và tương đương; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan (*nếu có*).

(6) Đối với đảng ủy xã, phường là ban chấp hành đảng bộ xã, phường; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, phường; chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; cấp trưởng các phòng (ban), đơn vị trực thuộc và tương đương; cấp trưởng Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường; bí thư các đảng ủy cơ sở (*chi ủy cơ sở*) trực thuộc.

(7) Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị không có đơn vị trực thuộc hoặc có đơn vị trực thuộc nhưng có dưới 30 người thì thành phần là toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 2; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập có mặt thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt số phiếu trên 50% thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo

Trên cơ sở kết quả lấy phiếu ở các bước; ý kiến đánh giá, nhận xét của cấp ủy cơ quan nơi công tác; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) đối với nhân sự; tập thể lãnh đạo thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Thành phần: Như bước 1. Riêng đối với đảng ủy xã, phường thì thành phần là ban chấp hành đảng bộ.

- Nguyên tắc lựa chọn: Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu so với tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn giới thiệu, bổ nhiệm. Trường hợp 2 người có số phiếu ngang nhau đạt tỷ lệ 50% thì người đứng đầu xem xét, lựa chọn nhân sự để trình, đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Căn cứ kết quả biểu quyết, tập thể lãnh đạo lập tờ trình kèm theo hồ sơ nhân sự quy định tại Phụ lục 5 gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để thực hiện các thủ tục theo quy định.

2. Đối với nhân sự điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác

2.1. Trường hợp nhân sự do cấp có thẩm quyền dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ở nơi khác thì cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các công việc sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

- Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến (bằng văn bản) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Trường hợp nhân sự do cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác thì thực hiện quy trình tương tự như quy trình điều động cán bộ nêu tại Điều 41 của Quy định này.

*** Lưu ý:**

(1) Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người đứng đầu chịu trách nhiệm về đánh giá, nhận xét, đề xuất, lựa chọn, giới thiệu nhân sự.

(2) Hội nghị ở các bước chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt và phiếu giới thiệu ở các bước có thể ký tên hoặc không ký tên; kết quả kiểm phiếu công bố tại hội nghị (*trừ bước 3*).

(3) Trường hợp kiện toàn nhân sự từ 2 người trở lên thì cũng thực hiện theo nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn nhân sự như ở các bước nêu trên.

(4) Phiếu giới thiệu nhân sự bổ nhiệm do ban tổ chức hội nghị phát hành, có đóng dấu treo của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc có chữ ký trực tiếp của người chủ trì trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị không có con dấu; nội dung hội nghị và kết quả kiểm phiếu tại các bước được ghi thành biên bản. Đại diện cơ quan hoặc bộ phận tham mưu về tổ chức, cán bộ tham dự các bước nhưng không bỏ phiếu (*trừ trường hợp thuộc thành phần bỏ phiếu*).

(5) Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có quy định, hướng dẫn riêng của ngành dọc thì thực hiện quy trình theo quy định của ngành dọc.

Phụ lục 4**CÁC CHỨC DANH CÓ THẨM QUYỀN TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC
ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP DƯỚI***(kèm theo Quy định số ~~04~~ - QĐ/TU, ngày ~~13~~ / ~~12~~ / 202~~5~~ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

I- ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN CỦA ĐẢNG

1. Bí thư Tỉnh ủy quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Bí thư Tỉnh ủy, trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy; bí thư đảng ủy xã, phường.

2. Trưởng các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó của mình; trưởng, phó đơn vị trực thuộc, người làm việc trong đơn vị của mình.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó của mình; trưởng, phó đơn vị trực thuộc, người làm việc trong đơn vị của mình.

4. Bí thư đảng ủy xã, phường quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó bí thư; trưởng, phó, người làm việc trong các ban, cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của đảng ủy; chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường.

II- ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**1. Hội đồng nhân dân các cấp**

1.1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; trưởng ban, phó trưởng ban, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, người làm việc trong Hội đồng nhân dân tỉnh; chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, phường.

1.2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, phường quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, phường; trưởng ban, phó trưởng ban và người làm việc trong Hội đồng nhân dân xã, phường.

2. Cơ quan hành chính nhà nước

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, giúp việc trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, giúp việc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình.

2.3. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình:

2.4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc và người làm việc trong Ủy ban nhân dân xã, phường.

III- ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN KHÁC

1. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó của mình; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc, người làm việc của ủy ban; cấp trưởng các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh.

Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh là trưởng tổ chức chính trị - xã hội tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc, người làm việc trong đơn vị của mình.

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó của mình; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc, người làm việc trong ủy ban; người làm việc trong các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở xã, phường.

Phó Chủ tịch ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường là trưởng tổ chức chính trị - xã hội xã, phường quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình.

2. Cấp trưởng các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình.

Phụ lục 5

**DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ QUY HOẠCH; BỔ NHIỆM,
GIỚI THIỆU ỨNG CỬ; BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ**

(kèm theo Quy định số 04-QĐ/TU, ngày 13/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình và Biên bản kiểm phiếu ở các bước *(bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước đối với quy hoạch cán bộ)*.
2. Sơ yếu lý lịch 2C theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6 và đóng dấu.
3. Đánh giá, nhận xét 3 năm gần nhất của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm *(nếu có)*. (3) Uy tín và triển vọng phát triển.
4. Đánh giá, nhận xét của chi bộ cơ sở hoặc đảng ủy cơ sở nơi công tác.
5. Nhận xét của cấp ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ.
6. Bản tự nhận xét, đánh giá 3 năm gần nhất của cá nhân.
7. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.
8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành *(có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định)*.
9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... *(có xác nhận của cơ quan quản lý cán bộ hoặc cơ quan có thẩm quyền)*.
10. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

* **Lưu ý:** (i) Các tài liệu nêu tại Mục 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét. (ii) Đối với bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử *(gồm cả kéo dài thời gian giữ chức vụ đến khi nghỉ hưu)* thì thành phần hồ sơ không nhất thiết bao gồm tài liệu nêu tại Mục 7, 9, trừ trường hợp có nội dung mới phát sinh.
